

CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (HSX: KDH)

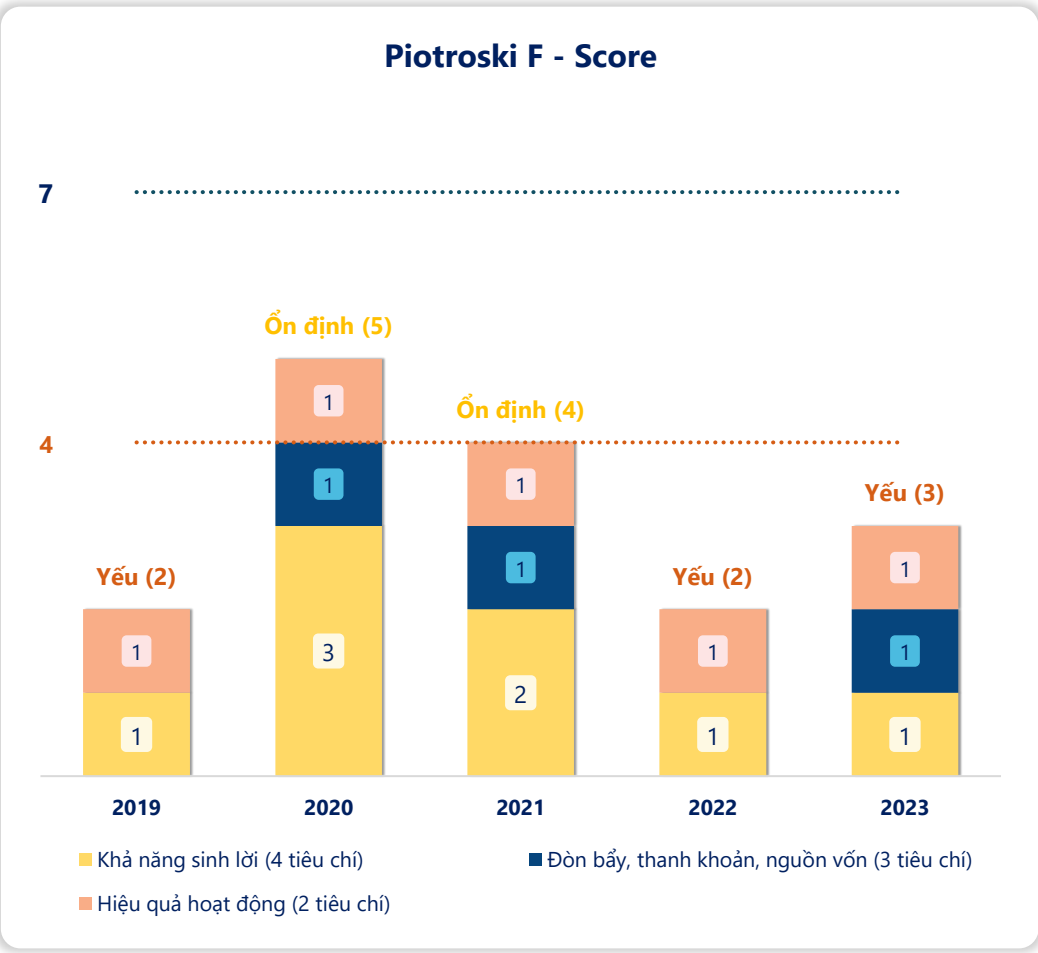
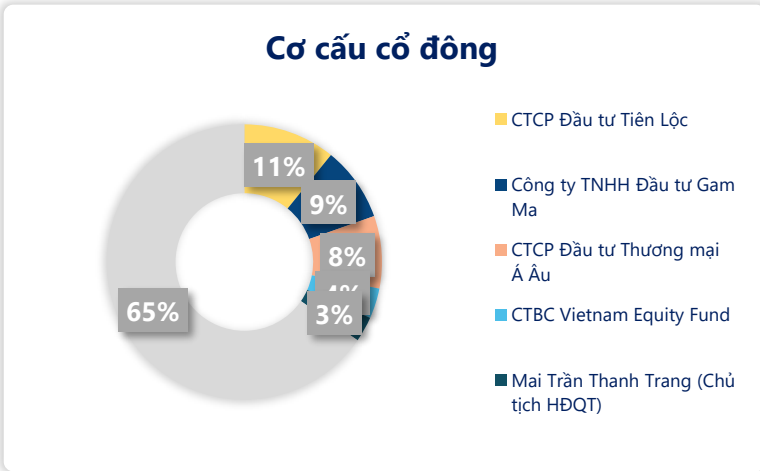
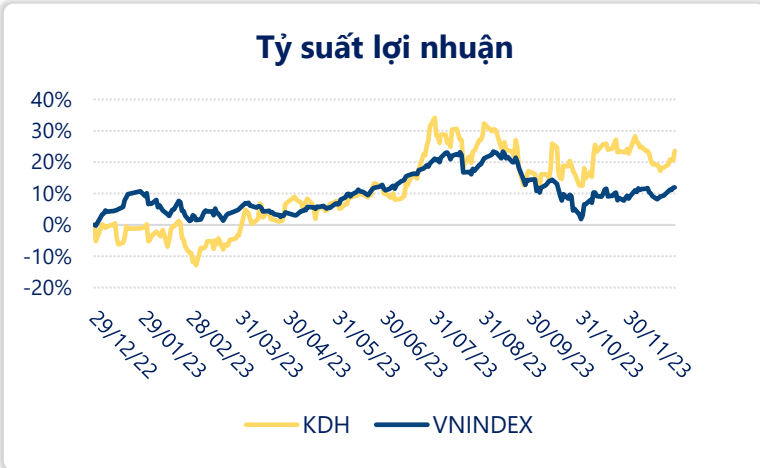
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	31,400 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.7%	10.6%	14.4%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	3/9
2023	(Yếu)

DT thuần	2023	YoY
	2,088	▼ 824
	tỷ VNĐ	▼ 28.3%

LN sau thuế	2023	YoY
	730	▼ 352
	tỷ VNĐ	▼ 32.6%

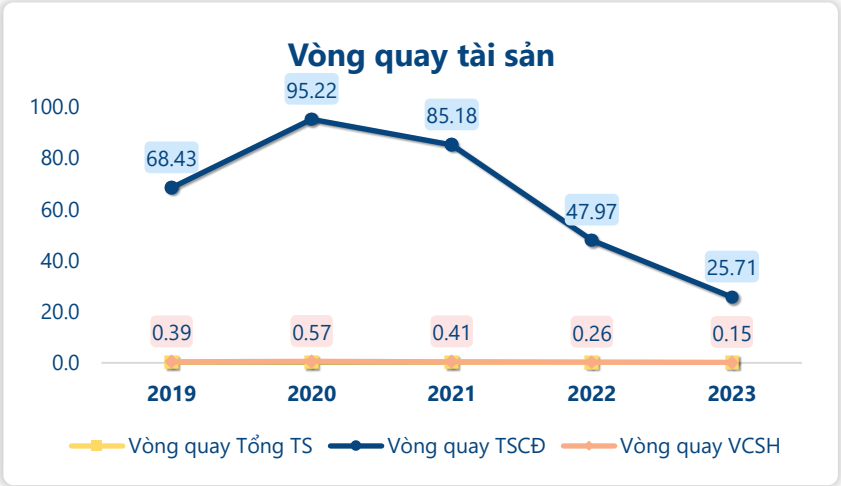
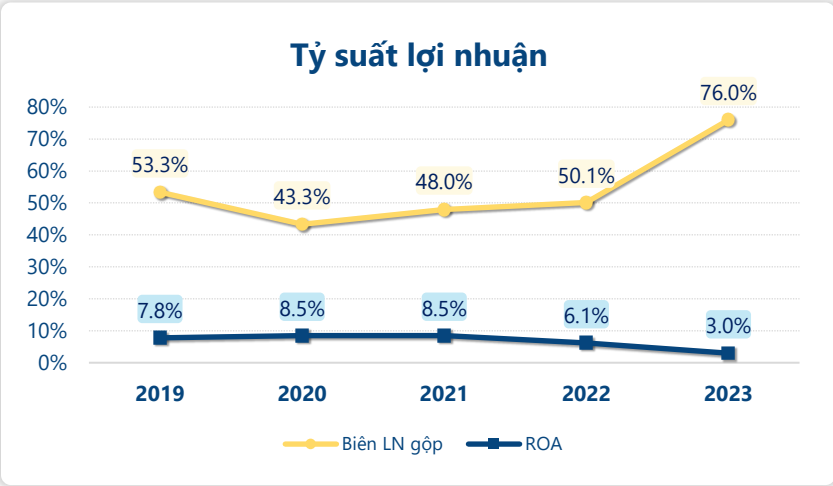
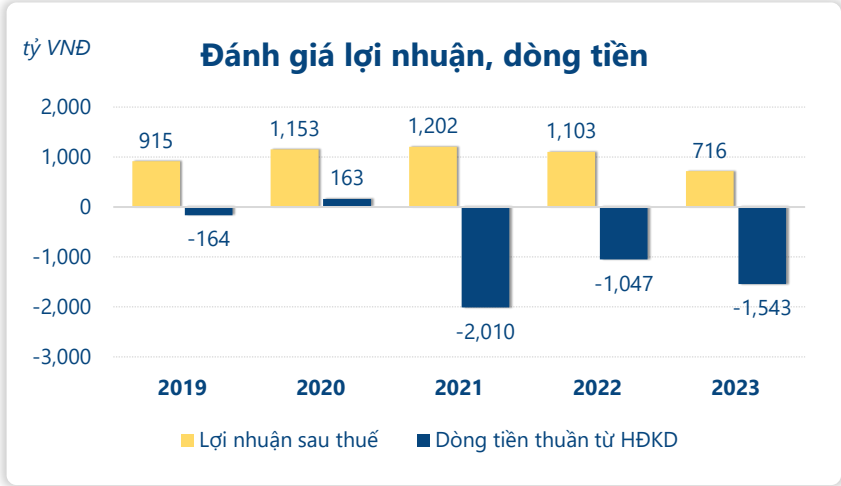


Năm 2023, F-Score của KDH đạt 3/9 cao hơn năm trước nhưng sức khỏe tài chính chưa được cải thiện nhiều vẫn đánh giá ở mức "yếu".

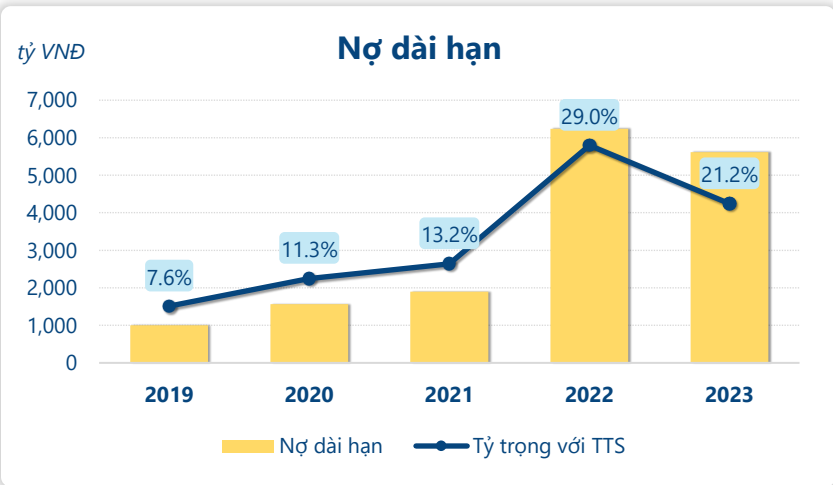
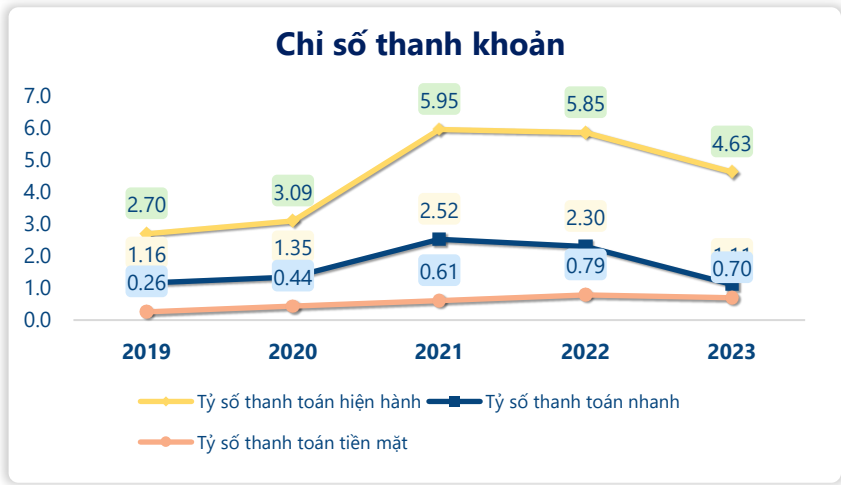
Trong đó, khả năng sinh lời không đổi đạt 1/4 điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn có cải thiện đạt điểm 1/3. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt điểm 1/2 ở mức ổn định so với năm trước.

F-Score ở mức yếu là một tín hiệu xấu cho thấy sự đáng lo ngại về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Phản ánh tình trạng không ổn định và rủi ro tài chính cao.

CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (HSX: KDH)



Xét các tiêu chí thành phần của F-Score năm 2023 của KDH: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Công ty phát hành cổ phiếu trong kỳ có thể dẫn đến EPS bị pha loãng, làm giảm giá trị cổ phiếu và giảm sự hấp dẫn của công ty đối với các nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	26,418	21,539	22.7%
Tài sản ngắn hạn	24,720	20,506	20.5%
Tiền và tương đương tiền	3,730	2,753	35.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.52	42.9	-80.1%
Phải thu ngắn hạn	1,811	5,208	-65.2%
Hàng tồn kho	18,788	12,453	50.9%
Tài sản ngắn hạn khác	383	48.9	684%
Tài sản dài hạn	1,698	1,033	64.4%
Phải thu dài hạn	75.9	73.4	3.5%
Tài sản cố định	81.3	81.1	0.3%
Bất động sản đầu tư	131	102	28.3%
Tài sản dở dang	933	750	24.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	12.0	14.3	-16.1%
Tài sản dài hạn khác	466	12.9	3523%
Lợi thế thương mại	0	0.01	-100%
Nợ phải trả	10,890	9,745	11.8%
Nợ ngắn hạn	5,329	3,503	52.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,444	1,195	20.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	96.5	109	-11.5%
Nợ dài hạn	5,561	6,242	-10.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	4,901	5,576	-12.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	15,528	11,795	31.7%
Vốn chủ sở hữu	15,528	11,795	31.7%
Vốn điều lệ	7,993	7,168	11.5%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	2,813	4,532	3,738	2,912	2,088
Giá vốn hàng bán	1,313	2,568	1,945	1,452	501
Lợi nhuận gộp	1,500	1,964	1,794	1,460	1,587
Doanh thu HĐTC	41.5	35.0	20.9	17.7	49.7
Chi phí TC	41.6	84.7	72.7	91.0	148
Chi phí lãi vay	1.52	0	15.9	9.35	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	115	247	205	175	162
Chi phí QLDN	162	169	182	219	205
LN thuần từ HĐKD	1,223	1,498	1,355	992	1,122
Lợi nhuận khác	-32.8	-39.1	185	419	-52.7
LN trước thuế	1,190	1,458	1,540	1,411	1,069
Lợi nhuận sau thuế	917	1,154	1,205	1,082	730
LNST của CĐ cty mẹ	915	1,153	1,202	1,103	716

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-164	163	-2,010	-1,047	-1,543
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-201	11.8	-106	-797	2,813
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-296	486	1,646	3,231	-293
Tiền đầu kỳ	1,836	1,175	1,836	1,365	2,753
Lưu chuyển tiền thuần	-661	661	-470	1,387	977
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,175	1,836	1,365	2,753	3,730